

Số: 03 /2015/NQ-HĐND

Bạc Liêu, ngày 10 tháng 7 năm 2015

NGHỊ QUYẾT

Về việc sửa đổi, bổ sung Nghị quyết số 11/2014/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2014 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc quy định mức thu phí, lệ phí và tỷ lệ trích, nộp ngân sách Nhà nước áp dụng trên địa bàn tỉnh Bạc Liêu

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH BẠC LIÊU KHÓA VIII, KỲ HỌP THỨ 13

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 16 tháng 12 năm 2002;

Căn cứ Nghị định số 57/2002/NĐ-CP ngày 03 tháng 6 năm 2002 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Pháp lệnh Phí và lệ phí;

Căn cứ Nghị định số 24/2006/NĐ-CP ngày 06 tháng 3 năm 2006 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số Điều Nghị định số 57/2002/NĐ-CP ngày 03 tháng 6 năm 2002 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Pháp lệnh Phí và lệ phí;

Căn cứ Thông tư số 02/2014/TT-BTC ngày 02 tháng 01 năm 2014 của Bộ Tài chính, hướng dẫn về phí, lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

Xét Tờ trình số 95/TTr-UBND ngày 30 tháng 6 năm 2015 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc sửa đổi, bổ sung Nghị quyết số 11/2014/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2014 của Hội đồng nhân dân tỉnh về việc quy định mức thu phí, lệ phí và tỷ lệ trích, nộp ngân sách Nhà nước áp dụng trên địa bàn tỉnh Bạc Liêu; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế và Ngân sách của Hội đồng nhân dân và ý kiến Đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thống nhất sửa đổi, bổ sung Nghị quyết số 11/2014/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2014 của Hội đồng nhân dân tỉnh khóa VIII, kỳ họp thứ 12 “về việc quy định mức thu phí, lệ phí và tỷ lệ trích, nộp ngân sách Nhà nước áp dụng trên địa bàn tỉnh Bạc Liêu” như sau:

1. Sửa đổi Khoản 1, Mục II, Phụ lục số 01: “Lệ phí đăng ký kết hôn” thành “Lệ phí hộ tịch, đăng ký cư trú, chứng minh nhân dân” và bổ sung các nội dung, cụ thể:

a) Lệ phí hộ tịch

- Mức thu lệ phí hộ tịch

+ Mức thu áp dụng đối với đăng ký hộ tịch tại Ủy ban nhân dân cấp xã:

- Khai sinh: 8.000 đồng.
- Kết hôn: 30.000 đồng.
- Khai tử: 8.000 đồng.
- Nhận cha, mẹ, con: 15.000 đồng.
- Cấp bản sao giấy tờ hộ tịch từ sổ hộ tịch: 3.000 đồng/1 bản sao.
- Xác nhận các giấy tờ hộ tịch: 5.000 đồng.
- Các việc đăng ký hộ tịch khác: 8.000 đồng.

+ Mức thu áp dụng đối với việc đăng ký hộ tịch tại Ủy ban nhân dân cấp huyện:

- Cấp lại bản chính Giấy khai sinh: 15.000 đồng.
- Cấp bản sao giấy tờ hộ tịch từ sổ hộ tịch: 5.000 đồng/1 bản sao.
- Xác định lại dân tộc, xác định lại giới tính, điều chỉnh hộ tịch: 28.000 đồng.

+ Mức thu áp dụng đối với việc đăng ký hộ tịch tại Sở Tư pháp, Ủy ban nhân dân tỉnh (có yếu tố nước ngoài):

- Khai sinh: 75.000 đồng.
- Kết hôn: 1.500.000 đồng.
- Khai tử: 75.000 đồng.
- Nhận con ngoài giá thú (nhận cha, mẹ, con): 1.500.000 đồng.
- Cấp bản sao giấy tờ hộ tịch từ bản gốc: 8.000 đồng/1 bản sao.
- Xác nhận các giấy tờ hộ tịch: 15.000 đồng.
- Các việc đăng ký hộ tịch khác: 75.000 đồng.

- Miễn lệ phí hộ tịch khi đăng ký lần đầu, cấp mới, thay mới theo quy định của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền đối với: Khai sinh; kết hôn; khai tử; thay đổi cải chính hộ tịch cho người dưới 14 tuổi, bổ sung hộ tịch.

b) Lệ phí đăng ký cư trú

- Mức thu đối với việc đăng ký và quản lý cư trú tại các phường nội thành của thành phố:

+ Đăng ký thường trú, đăng ký tạm trú cả hộ hoặc một người nhưng không cấp sổ hộ khẩu, sổ tạm trú: 15.000 đồng/lần đăng ký.

+ Cấp mới, cấp lại, đổi sổ hộ khẩu, sổ tạm trú: 20.000 đồng/lần cấp. Riêng cấp đổi sổ hộ khẩu, sổ tạm trú theo yêu cầu của chủ hộ vì lý do Nhà nước thay đổi địa giới hành chính, tên đường phố, số nhà: 10.000 đồng/lần cấp.

+ Đính chính các thay đổi trong sổ hộ khẩu, sổ tạm trú (*không thu lệ phí đối với trường hợp đính chính lại địa chỉ do Nhà nước thay đổi địa giới hành chính, đường phố, số nhà, xóa tên trong sổ hộ khẩu, sổ tạm trú*): 8.000 đồng/lần đính chính.

+ Đối với các khu vực khác, mức thu áp dụng bằng 50% (*năm mươi phần trăm*) mức thu tại khu vực phường nội thành của thành phố nêu trên.

- Không thu lệ phí đăng ký cư trú đối với các trường hợp: Bố, mẹ, vợ (*hoặc chồng*) của liệt sĩ, con dưới 18 tuổi của liệt sĩ; thương binh, con dưới 18 tuổi của thương binh; Bà mẹ Việt Nam anh hùng; hộ gia đình thuộc diện xóa đói, giảm nghèo; công dân thuộc xã, thị trấn vùng cao theo quy định của Ủy ban Dân tộc.

- Miễn lệ phí khi đăng ký lần đầu, cấp mới, thay mới theo quy định của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền đối với: Cấp hộ khẩu gia đình, cấp giấy chứng nhận nhân khẩu tập thể; cấp giấy đăng ký tạm trú có thời hạn.

c) Lệ phí Chứng minh nhân dân

- Mức thu đối với việc cấp Chứng minh nhân dân (*không bao gồm tiền ảnh của người được cấp Chứng minh nhân dân*) tại các phường nội thành của thành phố:

+ Cấp lại, đổi: 9.000 đồng/lần cấp.

+ Đối với việc cấp chứng minh nhân dân tại các khu vực khác, mức thu áp dụng bằng 50% (*năm mươi phần trăm*) mức thu quy định đối với cấp Chứng minh nhân dân tại các phường nội thành của thành phố.

- Không thu lệ phí Chứng minh nhân dân đối với các trường hợp: Bố, mẹ, vợ (*hoặc chồng*) của liệt sĩ, con dưới 18 tuổi của liệt sĩ; thương binh, con dưới 18 tuổi của thương binh.

- Miễn lệ phí cấp Chứng minh nhân dân khi đăng ký lần đầu, cấp mới, thay mới theo quy định của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.

2. Sửa đổi, thay thế nội dung tại Khoản 1, Mục II, Phụ lục số 2: “Lệ phí đăng ký kết hôn với người nước ngoài” thành “Lệ phí hộ tịch”.

3. Bổ sung tỷ lệ trích, nộp đối với “lệ phí đăng ký cư trú, Chứng minh nhân dân” như sau:

a) Cơ quan thu lệ phí đăng ký cư trú được trích để lại 100% trên tổng số tiền lệ phí thu được để trang trải chi phí cho việc thực hiện công việc thu lệ phí.

b) Cơ quan thu lệ phí chứng minh nhân dân được trích để lại 100% trên tổng số tiền lệ phí thu được để trang trải chi phí cho việc thực hiện công việc thu lệ phí.

Điều 2. Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết theo quy định của pháp luật.

Điều 3. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân và Đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết theo quy định của pháp luật.

Nghị quyết có hiệu lực sau 10 ngày, kể từ ngày thông qua. Những nội dung khác không nêu tại Nghị quyết này, thực hiện theo Nghị quyết số 11/2014/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2014 của Hội đồng nhân dân tỉnh khóa VIII, kỳ họp thứ 12.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Bạc Liêu khóa VIII, kỳ họp thứ 13 thông qua. /.

Nơi nhận:

- UBND tỉnh;
- UBTVQH (báo cáo);
- Chính phủ (báo cáo);
- Bộ Tài chính (báo cáo);
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL - Bộ Tư pháp (kiểm tra);
- TT. Tỉnh ủy (báo cáo);
- TT. HĐND tỉnh;
- UBND tỉnh;
- Ban TT. UBMTTQVN tỉnh;
- Các Ban của HĐND tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh;
- Tòa án nhân dân tỉnh;
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh;
- Sở Tài chính;
- Sở Tư pháp (rà soát);
- Trung tâm CB - TH (đăng Công báo);
- TT. HĐND các huyện, thành phố;
- UBND các huyện, thành phố;
- Lưu: (LH).

CHỦ TỊCH



Võ Văn Dũng